

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan cấp tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Quyết định số 1773/QĐ-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực địa chất và khoáng sản trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 480/TTr-STNMT ngày 06/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 02 (hai) thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan cấp tỉnh (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan rà soát các thủ tục hành chính nội bộ tại Điều 1 Quyết định này, đưa ra phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền thông qua theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, VP Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử của tỉnh.
- Lưu: VT, NCKS_(Vượng).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lưu Văn Hoàn

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC
ĐIỀU KHIỂN VÀ QUẢN LÝ ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN
(Kèm theo Quyết định số 1864 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình).

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên Thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1	Khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	Quyết định số 1773/QĐ-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường).
2	Khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh	Quyết định số 1773/QĐ-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Tài nguyên và Môi trường).

PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục: Khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ liên quan khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân tỉnh gửi lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành có liên quan theo quy định tại Điều 23 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Bước 4: Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định phê duyệt.

2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

3. Thành phần hồ sơ:

- Công văn của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Bản thuyết minh gồm các nội dung chính: Căn cứ pháp lý và tài liệu làm cơ sở khoanh định; nguyên tắc, phương pháp khoanh định; kết quả khoanh định theo từng lĩnh vực và tổng hợp danh mục các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản. Mỗi khu vực phải có bảng tọa độ các điểm khép góc theo hệ tọa độ VN-2000, trừ khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản vì lý do quốc phòng, an ninh. Phụ lục chi tiết kèm theo mô tả thông tin của từng khu vực đã khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

- Bản đồ thể hiện các khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm trên nền địa hình hệ tọa độ VN-2000, tỷ lệ từ 1/200.000 - 1/100.000, bao gồm cả đới hành lang bảo vệ, an toàn cho khu vực đã khoanh định (nếu có). Đối với các khu vực phức tạp, thể hiện trên các bản vẽ chi tiết tỷ lệ từ 1/25.000 - 1/10.000 hoặc lớn hơn.

4. Thời gian lấy ý kiến kết quả khoanh định khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản: Không quá 30 ngày làm việc.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Thủ tướng Chính phủ.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Khoáng sản năm 2010;
- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;
- Quyết định số 1773/QĐ-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Thủ tục: Khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh

2.1. Trình tự thực hiện

- Bước 1: Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có khoáng sản để khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo các tiêu chí quy định tại Điều 22 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

- Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Bước 3: Ủy ban nhân dân tỉnh ký Quyết định phê duyệt.

2.2. Cách thức thực hiện: Không quy định.

2.3. Thành phần hồ sơ: Không quy định.

2.4. Thời gian thực hiện: Không quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không quy định.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Khoáng sản năm 2010;
- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;
- Quyết định số 1773/QĐ-BTNMT ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.